

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG SON TRADING AND DEVELOPMENT CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108156806

3. Ngày thành lập: 02/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15/E4, ngõ 332 Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
4.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
5.	Bốc xếp hàng hóa	5224
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động không gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
8.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) không gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường	5621
9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
11.	Giáo dục nghề nghiệp	8532

12.	Đào tạo cao đẳng	8541
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
14.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
15.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
16.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
17.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
18.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
19.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
20.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ hoạt động đấu giá	4774
21.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
22.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
23.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
24.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
25.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
26.	Sản xuất rượu vang	1102
27.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
28.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất quần áo bảo hộ lao động	1410
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
33.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
37.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
38.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39.	Bán buôn gạo	4631
40.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

41.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không gồm dược phẩm)	4649
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
48.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
50.	Vận tải đường ống	4940
51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
56.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
57.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
58.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
59.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
60.	Dịch vụ đóng gói	8292
61.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
63.	Xây dựng nhà các loại	4100
64.	Xây dựng công trình công ích	4220
65.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
70.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
71.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
72.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
73.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
74.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
75.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
76.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
77.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
78.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
79.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
80.	In ấn	1811
81.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
82.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
83.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
85.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
86.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
87.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
88.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
89.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
90.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
91.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4669
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
93.	Đúc sắt, thép	2431
94.	Đúc kim loại màu	2432
95.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
96.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
97.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
98.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
99.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
100.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

101.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
102.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
103.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
104.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
105.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
106.	Thu gom rác thải độc hại	3812
107.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
108.	Tái chế phế liệu	3830
109.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
110.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
111.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
112.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322(Chính)
113.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
114.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
115.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
116.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
118.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
119.	Bán buôn thực phẩm	4632
120.	Bán buôn đồ uống	4633
121.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
122.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
123.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
124.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
125.	Lập trình máy vi tính	6201
126.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

127.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
128.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình	7110
129.	Quảng cáo	7310
130.	Bán buôn tổng hợp	4690
131.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
132.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
133.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
134.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
135.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
136.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
137.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
138.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
139.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
140.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
141.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
142.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
143.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
144.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
145.	Phá dỡ	4311

6. Vốn điều lệ: 3.600.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013393901

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 10 XI Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 10 XI Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 17/09/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 013393901

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 10 XI Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 10 XI Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội